

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/HS-ST**  
Ngày 28 - 01 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Huỳnh Thanh Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:***  
Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh ngày 24/4/1996, tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn B1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị B, sinh năm 1968; anh em có 02 người, bị cáo là người nhỏ nhất; có vợ tên Ngụy KT, sinh năm 1999, có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019.

Nhân Thân: Từ nhỏ sống chung với cha, mẹ tại ấp Bình Di, xã Khánh Bình, học đến lớp 5 thì nghỉ học phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội.

Tiền án: Không.

Tiền sự : Ngày 10/5/2019 bị Công an xã Khánh Bình áp dụng biện pháp giáo dục tại địa phương 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn L:* Ông Đỗ Khoa Khôi, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Ngụy KT, sinh năm: 1999; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bà Ngụy Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3. Bà Trần Thị B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp B, xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

4. Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số X đường Hưng Phú, phường 9, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

5. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số Y Quốc lộ 60, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số Z đường Sương Nguyệt Ánh, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa, ông Khôi, bà Thương, bà T, bà B có mặt; những người còn lại vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/8/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang phối hợp với Công an huyện An Phú và Công an xã Khánh Bình tuần tra tuyến biên giới phát hiện Lê Văn L đang tổ chức đưa Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1 xuống bến đò Mương Hội Đồng thuộc ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú để xuất cảnh trái phép sang Campuchia nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ 02 điện thoại di động kèm theo sim số 0372795366, 0378442560.

Quá trình điều tra bị can Lê Văn L khai nhận:

Khoảng 10 giờ ngày 15/8/2020, Tâm (không rõ họ, ở Campuchia) điện thoại cho Nguyễn Thị Bích V và L đến cầu Long Bình để đưa Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim N1 và Nguyễn Thị Thùy T1 đến nhà trọ 216 thuộc ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình nghỉ, chờ khi nào thuận L thì tổ chức đưa đến bến đò Mương Hội Đồng để xuất cảnh trái phép sang Campuchia giao cho Tâm, tiền công Tâm trả cho L là 2.000.000 đồng/01 người khi nào L giao khách cho Tâm bên Campuchia. Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/8/2020, L đưa N, N1 và T1 từ nhà trọ 216 thuộc ấp Tân Bình, thị trấn Long Bình đến bến đò Mương Hội Đồng thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, L còn khai nhận, khoảng đầu tháng 8/2020, L tổ chức cho 10 lượt người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia và ngược lại, mỗi lần từ 01 – 02 người với giá 100.000 đồng –

200.000 đồng/1 người/1 lượt.

Các bà Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1, Huỳnh Thị Kim N, trình bày: N1 điện thoại cho My (không rõ họ) ở Campuchia để tổ chức cho N1, T1, N xuất cảnh sang Campuchia trả tiền công cho My mỗi người 2.000.000 đồng và My hướng dẫn cả ba đến huyện An Phú được L đưa xuống bến đò Mương Hội Đồng thuộc ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú để xuất cảnh trái phép sang Campuchia thì bị bắt như nội dung vụ án đã nêu trên.

Nguy KT, Trần Thị B, Nguy Thị T (vợ, mẹ ruột, mẹ vợ bị cáo L) trình bày: Khoảng 20 giờ ngày 15/8/2020, L điện thoại nhờ Thương mượn xe mô tô biển số 67M-4679 của bà T đến nhà trọ 216 chở hai người bạn của L đến bến đò Mương Hội Đồng. L mượn xe mô tô biển số 67M-4679, 67B2-013.99 của bà Ba. Việc L tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép thì Thương, bà Ba, bà T không biết. Ngoài ra, Thương còn mượn điện thoại hiệu Botel của bà T, L mượn điện thoại hiệu Nokia của bà Ba. 02 xe mô tô thì Cơ quan điều tra đã trả lại, bà T, bà Ba xin nhận lại 02 điện thoại.

Ngày 20/8/2020, Lê Văn L bị khởi tố, tạm giam để điều tra xử lý.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSAG-P1 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Lê Văn L thú nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Mục đích đưa người xuất cảnh của bị cáo là vì L ích vật chất, nhưng chưa nhận được tiền.

Nguy KT, Trần Thị B, Nguy Thị T khai nhận phù hợp nội dung vụ án. Tất cả đều không biết L tổ chức cho N1, T1, N xuất cảnh trái phép. Bà Ba, bà T xin nhận lại 2 điện thoại.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị tuyên bị cáo Lê Văn L phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; Đề nghị căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án.

Quan điểm của người bào chữa: Ông Đỗ Khoa Khôi thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt. Tuy nhiên, do tình hình dịch Covid, bị cáo không có việc làm nên đã vi phạm pháp luật. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải;

hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ cận nghèo; có con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính; bản thân bị cáo bị khuyết tật từ nhỏ (một chân bị yếu bẩm sinh). Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo L không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái, hứa khắc phục sửa chữa. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### *[1] Về tố tụng:*

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1, Huỳnh Thị Kim N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### *[2] Về nội dung:*

[2.1] Xét thấy lời khai của bị cáo Lê Văn L tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang ngày 15/8/2020 của Công an xã Khánh Bình; phù hợp Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 14/9/2020 của Cơ quan An ninh điều tra; Kết luận giám định số 160/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 05/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Do có thỏa thuận từ trước, khoảng 17 giờ ngày 15/8/2020, Nguyễn Thị Bích V sử dụng số điện thoại 0333 381 610 gọi vào số điện thoại 0378 442 560 của Lê Văn L. Qua trao đổi, L đã tổ chức đưa Huỳnh Thị Kim N, Nguyễn Thị Kim N1 và Nguyễn Thị Thùy T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia giá 2.000.000 đồng/người (tổng 03 người là 6.000.000 đồng). Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 15/8/2020 khi L dẫn N1, N, T1 xuống xuồng nhỏ

đề qua sông sang Campuchia thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo L là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ việc đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ L. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định, hành vi của bị cáo Lê Văn L đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Lê Văn L theo Cáo trạng số 03/CT-VKSAG-P1 ngày 06 tháng 01 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo Lê Văn L, khoảng đầu tháng 8/2020 đã đưa 04 người xuất, nhập cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia và ngược lại. Mỗi lượt từ 1 – 2 người với giá từ 100.000 đồng – 200.000 đồng nhưng L chỉ biết mặt, không biết thông tin gì về 04 người này, không đủ cơ sở xác minh, kết luận. Do đó cơ quan An ninh điều tra tách tiếp tục điều tra, xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Bích V, sau khi Cơ quan An ninh điều tra làm việc đã bỏ địa phương, chưa làm rõ yếu tố vụ L, nên Cơ quan An ninh điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo Lê Văn L là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid - 19. Hành vi của bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, bị cáo không có việc làm ổn định; ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép thu được nhiều tiền, nên khi V liên hệ thì bị cáo nhận lời và thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa đưa được N1, N, T1 sang Campuchia và chưa nhận được tiền. Động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì L ích vật chất, không vì L ích khác.

[2.4] Cách thức tổ chức đưa người xuất cảnh của bị cáo tương đối tinh vi, L dụng việc thuộc địa hình biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, bị cáo đã móc nối với Nguyễn Thị Bích V, Sa Liêm (Sa Liêm và V sống như vợ chồng), Tâm (chạy xe Tuk Tuk ở Campuchia) để tổ chức đưa người xuất, nhập cảnh trái phép. Theo lời khai nhận của bị cáo thì bị cáo đã thực hiện việc này trong thời gian dài, đã nhiều lần thực hiện, nhưng do không có thông tin gì về những người mà bị cáo tổ chức cho xuất, nhập cảnh trái phép nên chưa đủ căn cứ xử lý. Đối với lần tổ chức đưa N1, N, T1 bị bắt quả tang ngày 15/8/2020 thì bị cáo chưa đưa được những người này sang Campuchia; chưa thu được tiền công thì bị bắt. Trường hợp này được xem là phạm tội chưa đạt.

Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” của bị cáo L còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức

pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân An Phú nói riêng, tỉnh An Giang nói chung, trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội ...đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, kiểm soát chặt người qua lại biên giới, nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với L ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

*[3] Về hình phạt:*

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân không tốt, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội ở giai đoạn chưa đạt; bị cáo có con còn nhỏ, là lao động chính; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo (có sổ hộ cận nghèo), ít am hiểu pháp luật, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép của bị cáo là rất nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cần được xử lý nghiêm.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

*[4] Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*[5] Về những người cùng thực hiện hành vi phạm tội và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Đối với Sa Liêm đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và bị Tòa án nhân dân huyện An Phú xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép” trong một vụ án khác, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với Ngụy KT (là vợ của bị cáo L) có hành vi chở Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1 đến bến đò Mường Hội Đồng đùm cho L. Qua điều tra KT khai không biết việc L tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép; Cơ quan điều tra không chứng minh được vai trò đồng phạm, nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với KT là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Tâm, My sống ở Campuchia nên chưa làm việc được, chưa có cơ sở xử lý, cần tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Bích V, đã có đủ căn cứ xác định V có liên lạc với Tâm, My và bị cáo L trong việc tổ chức đưa N1, N, T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Do V đã bỏ địa phương nên chưa làm rõ được yếu tố vụ L và các tình tiết liên quan khác. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý Nguyễn Thị Bích V theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1, Huỳnh Thị Kim N có hành vi “xuất cảnh trái phép” là vi phạm pháp luật. Do chưa có tiền án, tiền sự, nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên hành vi này cần phải được xử lý hành chính. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra chuyển hồ sơ cho Công an huyện An Phú xử phạt hành chính đối với N1, T1, N theo quy định của pháp luật.

*[6] Về xử lý vật chứng:*

Vật chứng thu giữ còn lại trong vụ án gồm: 03(ba) điện thoại kèm theo 03 (ba) sim số, được xử lý như sau:

- Đối với điện thoại di động hiệu Botel, màu đen kèm sim số 0372 795 366 là điện thoại mà KT sử dụng liên hệ với bị cáo L trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh. Tuy nhiên theo kết quả điều tra thì điện thoại này là của bà Ngụy Thị T (mẹ của KT), KT mượn sử dụng, nên trả lại cho bà T.

- Đối với điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen kèm sim số 0378 442 560 được xác định là điện thoại của bà Trần Thị B (mẹ của bị cáo L). Do điện thoại của L hết tiền nên mượn điện thoại của bà B điện, bà B không biết việc L điện để tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, nên trả lại cho bà B.

- Đối với điện thoại di động hiệu Samsung kèm sim số 0355 668 832 là điện thoại của bị cáo L trực tiếp sử dụng liên hệ tổ chức cho người khác xuất cảnh, được xác định là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, đối với 02 (hai) xe mô tô biển kiểm soát 67B1 – 013.99 và 67M – 4679 mà bị cáo L và KT sử dụng chở N1, T1, N là xe của bà Trần Thị B và của bà Ngụy Thị T. Bà B và bà T không biết Thương và L mượn xe chở đưa người xuất cảnh trái phép. Cơ quan An ninh điều tra không thu giữ 02 xe này là có căn cứ, nên không xem xét giải quyết.

*[7] Tình tiết khác cần xem xét xử lý:* Theo lý lịch, lời khai của bị cáo Lê Văn L và Ngụy KT (sinh ngày 17/02/1999), thì bị cáo L chung sống như vợ

chồng với KT từ năm 2014 (con đầu sinh năm 2015). Khi đó KT dưới 16 tuổi, có dấu hiệu của tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

*[8] Về chi phí tố tụng:*

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, nên được miễn án phí.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. *Về hình phạt:*

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/8/2020 (ngày mười lăm tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi).

3. *Về xử lý vật chứng:*

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung kèm sim số 0355 668 832 (của bị cáo L).

Tuyên trả lại:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Botel, màu đen kèm sim số 0372 795 366 cho bà Nguyễn Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen kèm sim số 0378 442 560 cho bà Trần Thị B.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/01/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).*

4. *Về án phí:*

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,



Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn L.

**5. Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Lê Văn L, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Ngụy KT, Trần Thị B, Ngụy Thị T. Thời hạn kháng cáo của bị cáo L, các bà KT, B, T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/01/2021).

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N1, Nguyễn Thị Thùy T1, Huỳnh Thị Kim N là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).*

**nhận:**

- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (6);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Văn Sáu**